

NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ - PHÁP LÝ TRUNG QUỐC CỔ ĐẠI

ĐỖ ĐỨC MINH *

Tóm tắt: Bài viết phân tích tư tưởng chính trị - pháp lý của Trung Quốc cổ đại. Theo tác giả Trung Quốc cổ đại là một trung tâm văn hóa lớn, có nhiều dòng tư tưởng chính trị - pháp lý độc đáo. Tư tưởng chính trị - pháp lý Trung Quốc cổ đại bị quy định bởi tính đặc thù của điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa tư tưởng; khác biệt với tư tưởng chính trị - pháp lý phương Tây; mang những giá trị sâu sắc, đồng thời cũng có những hạn chế nhất định.

Từ khóa: Phương Đông, chính trị - pháp lý, Đức trị, Không Tử.

Mở đầu

Lịch sử thế giới thời kỳ cổ đại đã có nhiều hệ thống, tư tưởng chính trị - pháp lý, trong đó nổi lên ở các trung tâm Hy Lạp, Ấn Độ và Trung Quốc. Nghiên cứu lịch sử tư tưởng Trung Quốc cổ đại, chúng ta thấy phần nổi trội nhất là tư tưởng chính trị - pháp lý. Việc nghiên cứu lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý của Trung Quốc cổ đại cho thấy những yếu tố tiêu biểu và qua đó có thể làm sáng tỏ đặc trưng của tư tưởng chính trị - pháp lý Việt Nam truyền thống.

1. Tư tưởng chính trị - pháp lý Trung Quốc cổ đại bị quy định bởi tính đặc thù của điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa - tư tưởng

Các học giả Trung Quốc như Hào Ngoại Lư, Triệu Kỷ Bân, Đỗ Quốc Tường, Phùng Hữu Lan, Lã Trấn Vũ... khi nghiên cứu lịch sử tư tưởng nói chung, lịch sử tư tưởng chính trị - pháp

lý Trung Quốc nói riêng đã bước đầu thống nhất nhận định: xét ở góc độ phương thức sản xuất, nếu như ở phương Tây, điển hình là xã hội Hy - La, xã hội phát triển theo con đường cách mạng, diễn ra một cách dồn dập, mạnh mẽ, nhanh chóng trong một khoảng thời gian tương đối ngắn, thì ở Trung Quốc nói riêng, phương Đông nói chung, xã hội lại phát triển theo con đường duy tân, thay cũ đổi mới một cách từ từ, chậm chạp, ít đột biến. Mang đặc điểm của công xã nông thôn và phương thức sản xuất Châu Á, nên mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong xã hội Trung Quốc không diễn ra mạnh mẽ và đối kháng để chuyển thành cách mạng xã hội, mà nó liên tục, kéo dài và đan xen giữa nhiều hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, là

(*) Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

nguyên nhân làm cho xã hội rối loạn triền miên trong thời kỳ cổ đại và sự “ngưng trệ” của thời kỳ trung cổ. “Nông nghiệp là nền tảng kinh tế nước Trung Hoa, vương triều nào cũng phải nhờ vào đó mà tồn tại; là dân tộc canh nông, cho nên thường dùng chính sách trọng nông. Nhưng qua cảnh thịnh trị buổi đầu vương triều nào cũng lần lần mà suy vi và “hà liềm truy cầu”, rốt cuộc nông dân nổi loạn. Những cuộc cách mệnh chính trị đã từng lướt qua mà không lay động được cái tổ chức nghìn năm của họ, vì tổ chức ấy có mật thiết với điều kiện nông nghiệp, với điều kiện tự nhiên vĩnh cửu của nước Trung Hoa. Vì thế, trải qua bao nhiêu cuộc biến động, bao nhiêu cuộc “thay chợ đổi châu”, thế mà xã hội Trung Hoa vẫn như đứng lì một chỗ, mãi đến cuộc Nha phiến chiến tranh mới thấy rễ gốc lung lay”⁽¹⁾. Nếu như ở phương Tây các trào lưu tư tưởng nhà nước - pháp luật thường phát triển theo con đường phủ định, thay thế lẫn nhau, tạo ra những lát cắt, những khoảng phân định khá rạch ròi trong lịch sử tư tưởng, thì ở Trung Quốc, các trào lưu tư tưởng một khi đã được hình thành liền tạo ra những dòng chảy liên tục trong lịch sử và chúng song song tồn tại với mức độ ưu trội khác nhau. Những người kế thừa các tư tưởng ấy luôn tỏ ra trung thành với tư tưởng cội nguồn, họ chỉ giải nghĩa rõ hơn những tư tưởng ban đầu. Sự phát triển, đổi thay của các quan điểm chính trị tuy có nhưng không theo

phương thức phủ định để tạo thành những bước ngoặt phát triển. Vì vậy, có thể đồng tình với ý kiến rằng “Sự tách đôi dòng lịch sử năng động bắt nguồn từ cổ đại (Hy Lạp) và dòng lịch sử tiến triển ỉ ạch với phương thức sản xuất Châu Á là một căn cứ lịch sử góp phần giải thích sự đối lập giữa Đông và Tây và phần nào giải ảo sự huyền bí của phương Đông”⁽²⁾.

Xã hội Trung Quốc cổ đại có kết cấu kinh tế là những công xã nông thôn bảo thủ, có hệ tư tưởng Nho giáo đề cao lễ nghĩa, coi nhẹ luật pháp, trọng tình hơn lý... Khác với ở phương Tây, quyền quản lý xã hội phong kiến do giới quý tộc và tầng lữ nắm, ở Trung Quốc những viên chức cao cấp hình thành rất sớm. Đó là một đẳng cấp chắc chắn không bị khép kín về mặt xã hội, nhưng cũng khó có thể thâm nhập vào được, bởi vì nó chỉ được dành riêng cho những trí thức (Nho học). Triết học phương Tây ngả về tư duy duy lý, phân tích mổ xẻ còn triết học Trung Quốc cổ đại thì ngả về dùng trực giác. Tư duy phương Tây thiên về chủ biệt, còn tư duy Trung Quốc cổ đại nghiêng về chủ toàn. Ý thức của người Trung Quốc cổ đại thấm nhuần chất thơ hơn ý thức của người

⁽¹⁾ Đào Duy Anh (biên dịch) (1942), *Trung Hoa sử cương từ thượng cổ đến ngày nay*, Nxb Quan Hải Thư, Huế, tr. 89.

⁽²⁾ Hoàng Ngọc Hiến, *Cộng sinh văn hóa và giao lưu văn hóa Đông Tây*, Việt Nam học - Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Lần thứ nhất, Hà Nội, tập 2, tr. 81.

phương Tây, trừ trường hợp Hy Lạp⁽³⁾. Văn minh Trung Quốc cổ đại là văn minh làng xã, không đặt mục đích chinh phục thiên nhiên mà dựa vào thiên nhiên, gửi gắm tình cảm vào thiên nhiên để tồn tại và lập ra những hương ước nặng về tình để đối nhân xử thế. Trong khi đó, nền văn minh phương Tây có đặc trưng là đô thị phát triển sớm, vì thế người phương Tây đã có ý thức cạnh tranh với thiên nhiên và siêu nhiên, chinh phục thiên nhiên và chinh phục thế giới để khẳng định sức mạnh của con người lý tính. Trong khi văn hóa phương Tây luôn coi trọng chủ nghĩa cá nhân và quan niệm quyền lợi cá nhân thái ngấn cùng với khái niệm công dân; thì văn hóa Trung Quốc cổ đại nói chung luôn xem xét con người trong tổng thể các mối quan hệ xã hội, coi trọng những vai trò gia đình và dòng họ. Trong các hiện tượng xã hội, người ta luôn luôn thấy cái nền tảng chắc như tục lệ - tức những tư tưởng, hành vi lâu ngày được mọi người thừa nhận. Tục lệ là quyền uy đứng sau ngai vàng và sau pháp luật, là “vị tài phán tối cao trong đời sống con người” và được coi trọng. Tôn giáo giúp sức thêm cho tục lệ, bảo ai không theo tục lệ thì bị Thượng đế trừng phạt; khi các thói quen của tổ tiên hợp với ý muốn của thần linh thì tục lệ sẽ vô cùng mạnh hơn luật pháp và hạn chế gắt gao những tự do thời nguyên thủy. Các tục lệ duy trì các giá trị cộng đồng, tạo cho xã hội một sự ổn định, trật tự cả trong khi thay đổi luật pháp và trong khi không có luật pháp thành văn.

Do tục lệ bắt nguồn từ trong đời sống, còn luật pháp do một uy quyền trên cao đặt ra bắt mọi người phải theo; luật pháp thường do ý chí của nhà cầm quyền, còn tục lệ là cái được hình thành từ trong đời sống cộng đồng; cho nên trong trường hợp vi phạm pháp luật, người ta còn chắc chắn được sự ngưỡng mộ của ít nhất một nửa dân chúng (tầng lớp bị trị đối lập với chính quyền); nhưng nếu vi phạm tục lệ thì chắc chắn sẽ bị mọi người cừu thị, khinh ghét. “Người Trung Hoa thuộc về gia đình và chỉ là đơn vị phù du trong dòng sinh hoạt bắt nguồn từ tổ tiên tới bọn cháu chắt sau này; luật pháp và phong tục bắt họ phải chịu trách nhiệm về tất cả các hành vi của mọi người trong gia đình, mà mọi người này cũng chịu trách nhiệm về hành vi của mỗi cá nhân... Họ bị nhốt trong cái lưới cổ tục và nếu họ không theo tục lệ hoặc luân lý của đoàn thể mà mắc lỗi nặng thì bị dư luận chê bai, bị đoàn thể trục xuất. Chính nhờ những tổ chức mạnh mẽ do dân chúng lập ra đó theo nhu cầu và tâm hồn của họ, mà người Trung Hoa có thể tồn tại

⁽³⁾ Một người Pháp đã nói với học giả Nguyễn Hiến Lê rằng: “Tôi chưa thấy dân tộc nào yêu thơ như người Trung Quốc. Đại tướng của họ thường làm thơ trên lưng ngựa, sau một trận hỗn chiến; những con buôn của họ cũng biết hội họp nhau dưới gốc đào, gốc liễu mà ngâm nga; cả hạng lao động của họ cũng biết trọng thi nhân; cơ hồ như biết đọc biết viết là họ thường thơ hoặc làm thơ. Tại sao vậy ông?”. Robert Hart bảo: “Người Trung Hoa trọng tài, yêu văn chương và đầu đầu người ta cũng thấy những văn đàn thi đàn nho nhỏ, để các hội viên trao đổi các sáng tác, cả văn lẫn thơ với nhau”.

trong trật tự lâu như vậy được, xã hội được ổn định, mặc dầu quốc gia và luật pháp đều yếu”⁽⁴⁾. Hệ giá trị truyền thống trong xã hội Trung Quốc cổ đại khiến cho các tranh chấp trong phạm vi gia đình, họ tộc không đưa ra tòa án và phần lớn các tranh chấp được giải quyết bằng phương thức thỏa hiệp. Tuy nhiên, hệ thống này đã tỏ ra không có hiệu quả khi Trung Quốc bắt đầu công cuộc hiện đại hóa sau sự sụp đổ của triều đại cuối cùng vào năm 1911.

2. Những khác biệt của tư tưởng chính trị - pháp lý Trung Quốc cổ đại so với tư tưởng chính trị - pháp lý phương Tây

Sự khác nhau trong tư tưởng, học thuyết ở Trung Quốc cổ đại và phương Tây thời cổ đại về nhà nước và pháp luật thể hiện ở mức độ quan tâm đối với nhà nước và pháp luật: các nhà tư tưởng Trung Quốc cổ đại tựu trung lại cũng bàn về chính trị - con người, xã hội, nhà nước và pháp luật, nhưng theo “cách riêng”, mức độ riêng, tạo nên những sắc thái đặc thù riêng. So sánh với phương Tây cổ đại, các nhà tư tưởng Trung Quốc cổ đại ít bàn luận về nhà nước, pháp luật hơn. Điều này được lý giải bởi hàng loạt các yếu tố khách quan - chủ quan có nhiều sự khác nhau về các giai cấp, mức độ xung đột, mâu thuẫn xã hội và phương pháp giải quyết, những điều kiện kinh tế, văn hóa, lối sống; Các nhà tư tưởng Trung Quốc cổ đại quan tâm hơn cả về đường lối, phương thức cai trị con người và xã hội. Bên cạnh sự khác nhau cơ bản nêu trên, vẫn có thể tìm thấy *những nét tương*

đồng giữa tư tưởng, học thuyết của Trung Quốc cổ đại và phương Tây qua các thời kỳ lịch sử. Chẳng hạn, nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật trong tư tưởng nhà nước pháp quyền của các nhà tư tưởng Hy Lạp, La Mã cổ đại tương đồng với tư tưởng pháp trị của Hàn Phi Tử khi cho rằng, ý muốn cá nhân của các vị quân vương là cội nguồn của tình trạng vô pháp luật, luật pháp đối với nguồn quý tộc cũng như đối với kẻ hèn mọn đều phải như nhau. Luận điểm về nhà nước pháp quyền không loại trừ đạo đức, thiếu đạo đức xã hội sẽ hỗn loạn cũng là luận điểm tương đồng (chỉ khác nhau là ở mức độ, phạm vi và cách thức áp dụng đạo đức mà thôi). Do nhiều yếu tố khách quan chi phối, người Trung Quốc cổ đại xem ra ít bàn luận đến cách thức tổ chức bộ máy nhà nước, đến chính thể như người phương Tây.

Nhìn chung, *tư tưởng chính trị và tư duy pháp luật Trung Quốc cổ đại xuất hiện sớm hơn phương Tây nhưng tri thức pháp luật ở Trung Quốc cổ đại không bằng phương Tây.* Tư tưởng Trung Quốc cổ đại thường gắn với đạo đức, luân lý (các nguyên tắc đạo đức trong mối quan hệ) còn tư tưởng phương Tây gắn với pháp luật, đề cao pháp lý (nguyên lý, tinh thần cơ bản của pháp luật) và động lực là quyền lợi của con người. Khổng Tử nói: “Xử kiện thì ta cũng xử được như người, nhưng phải làm sao đừng có kiện tụng, há không

⁽⁴⁾ *Lịch sử văn minh Trung Hoa* (Nguyễn Hiến Lê dịch), Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 287.

phải hơn sao?” Điều đó có nghĩa là, cần giáo hóa dân để họ sống với nhau một cách tốt đẹp để không xảy ra kiện tụng là biện pháp chủ yếu, và pháp luật tuy có nhưng không phải dùng đến. Quan điểm của *Khổng giáo* cho rằng đạo đức và kỷ luật tự giác là tốt hơn bất kỳ một bộ luật nào đã khiến cho nhiều nhà sử học (như Max Weber) kết luận rằng, luật pháp không phải là phần quan trọng trong xã hội phong kiến Trung Quốc⁽⁵⁾. Nếu như các nhà tư tưởng Trung Quốc cổ đại say sưa bàn về đạo đức, lễ nghi và phép tắc xác lập trật tự, thì các nhà tư tưởng phương Tây lại quan tâm đến pháp luật, cách thức tổ chức quyền lực nhà nước (mặc dù họ không phủ nhận vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội). Những phạm trù, những biểu hiện sinh động của đạo đức đã được các nhà tư tưởng Trung Quốc cổ đại bàn luận sâu sắc bao nhiêu thì các nhà tư tưởng phương Tây lại mê mải bàn luận về tính triết lý của pháp luật (như Hêghen, Kant⁽⁶⁾). “Một trong những nét nổi bật của tư tưởng chính trị phương Đông cổ đại là đặt các quy phạm đạo đức lên rất cao, “coi đạo đức là cái căn bản chi phối sự vận hành các quan hệ xã hội - nhà nước và pháp luật”⁽⁷⁾. Tư tưởng đạo đức học phương Tây thường xuất phát từ những tín điều của tôn giáo; ở Trung Quốc cổ đại, đạo đức học không hoàn toàn lệ thuộc vào tôn giáo mà thường xuất phát từ quan hệ giữa con người với con người được nhìn qua lăng kính của Nho giáo. “Khác với phương Đông, pháp luật trong quan niệm của các nhà Triết

học cổ đại phương Tây ngoài việc tôn trọng pháp luật còn gắn với yêu cầu pháp luật phải chứa đựng nội dung công bằng của số đông”⁽⁸⁾. Nghiên cứu tư tưởng chính trị Trung Quốc cổ đại, có thể nhận thấy, việc xem xét bản chất con người là *vị kỷ* hay *vị tha* (tính bản ác hay tính bản thiện) là một đặc trưng tạo nên sự khác biệt quan trọng trong các thiết kế, hình dung về phương pháp quản lý xã hội của mỗi học thuyết tư tưởng; và chủ nghĩa tôn quân trở thành một thứ nhân sinh quan của giới có học (kẻ sĩ), trở thành nguyên tắc đạo đức phổ quát ở Trung Quốc cổ đại. Trong thực tiễn, nền chính trị Trung Quốc cổ đại bị đánh giá là một thể chế *nhân trị*, song về mặt hệ thống pháp luật lại chú trọng đến *pháp trị*. Pháp luật Trung Quốc cổ đại (bao gồm cả những quy phạm tôn giáo, đạo đức phong kiến, với tính chất đặc quyền

⁽⁵⁾ Tuy nhiên, cách hiểu này đã bị chỉ trích kịch liệt và hiện không còn thịnh hành trong giới Trung Quốc học, những người đã kết luận rằng, Trung Quốc phong kiến có một hệ thống luật pháp hình sự và dân sự tinh vi, có thể sánh với bất kỳ hệ thống pháp luật nào ở Châu Âu.

⁽⁶⁾ Hêghen (1770 - 1831), nhà triết học duy tâm khách quan, đại biểu xuất sắc của triết học cổ điển Đức, người xây dựng nên phép biện chứng duy tâm. Immanuel, đọc là Kant (1724-1804), được xem là triết gia quan trọng nhất của nước Đức, hơn nữa là triết gia lớn nhất của thời kỳ cận đại, của nền văn hóa tiên tiến và nhiều lĩnh vực khoa học nhân văn khác.

⁽⁷⁾ Đại học Quốc gia Hà Nội (Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Khoa Luật): *Giáo trình Lịch sử các học thuyết chính trị*, tr. 13 - 14.

⁽⁸⁾ Nguyễn Bá Dương, Trần Hậu Thành, Lê Thị Hoài Thanh (2010), *Xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr. 26.

dã man, bất bình đẳng tuyệt đối là điển hình rõ nét của phương Đông) được ban hành và thực hiện nhằm để duy trì bảo vệ đức hiếu trung, tôn ti trật tự xã hội phong kiến. Kết quả của sự dung hòa đạo Khổng với học thuyết thực tiễn Pháp gia đã làm nổi bật địa vị đạo đức luân lý trong địa hạt pháp luật (ở đó những quy phạm pháp luật là những quy phạm luân lý Nho giáo, tín ngưỡng hay thuyết Mệnh Trời).

Nho giáo đã góp phần xây dựng một dạng thức đặc trưng của tư tưởng Trung Quốc cổ đại. Khổng Tử cho rằng: “cha ăn trộm, con che giấu, cái ngay thẳng nằm trong đó” (*Luận ngữ*) nói lên tính thiếu rạch ròi giữa chính trị và luật pháp. Từ đời Hán, chủ trương độc tôn Nho đã bóp méo Nho giáo nguyên thủy đến cực đoan để phục vụ cho yêu cầu chính trị độc tài chuyên chế: *quân xử thần tử, thần bất tử bất trung; phụ tử vong, tử bất vong bất hiếu*. Tính chất chính trị độc tài, thống soái, đứng trên và chi phối mọi hình thái ý thức xã hội khác (kể cả pháp luật) là một điển hình của Trung Quốc cổ đại. *Lý học* (còn gọi là *Đạo học*) được mệnh danh là “sự hoàn thành của Nho giáo ở Trung Quốc” (Tống Nho) với trung tâm xoay quanh vấn đề *tính* đưa Nho giáo trở thành khuôn vàng thước ngọc của xã hội. Các triều đại phong kiến đã tìm thấy ở đường lối cai trị lễ - hình những giải pháp cần thiết cho nền thống trị: hai yếu tố cương - nhu đủ để đối phó với tình hình chính trị - kinh tế - xã hội lúc hoãn, lúc cấp. Ánh hào quang thần bí của

vương quyền, tư tưởng trung quân tuyệt đối của đạo Nho và sự trừng phạt tàn bạo của pháp luật là đảm bảo vững chắc cho vương vị và vương quyền, mang bản sắc văn hóa - pháp lý Trung Quốc cổ đại. Do ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo (nhất là Tống nho) nên vị trí và vai trò của người phụ nữ trong xã hội rất mờ nhạt, bị đối xử bất bình đẳng so với nam giới. Các quan niệm *trọng nam khinh nữ*, *đạo tam tông* đã buộc chặt người phụ nữ vào những khuôn phép khắc nghiệt vô hình và chịu nhiều bất hạnh⁽⁹⁾. “Thế giới của “lý” của “đạo” đã chôn vùi, đầy đọa bao nhiêu người phụ nữ mà trong Minh sử, họ đã được tôn là liệt nữ đến hơn vạn người? Họ đã chết ngay từ khi mang thân phận nữ giới, chết vì câu tiết hạnh”⁽¹⁰⁾. Khổng học càng trở nên độc tôn thì ngày càng quay về xu hướng bảo thủ, lạc hậu, xa rời thực tế. Dưới chế độ quân chủ chuyên chế, yếu tố dân chủ, tư tưởng tự do hầu như không được biểu hiện. “Trật tự xã hội theo đạo Khổng, dựa trên dư luận xã hội đã hoạt động hết sức có hiệu quả trong nhiều thế kỷ dưới chế độ phong kiến Trung Hoa và vì thế, không có một văn bản luật tư theo kiểu phương

⁽⁹⁾ Thất xuất (7 lý do được bỏ vợ): Luật pháp phong kiến cho phép người chồng được bỏ vợ khi họ phạm vào một trong những 7 điều sau đây: Không có con, Ghen tuông, Ác tật (bị bệnh nan y), Dâm ô (không đoan chính), Không kính trọng bố mẹ chồng, Đa hôn (lắm điều), Trộm cắp.

⁽¹⁰⁾ Nhật Chiêu (1998), *Câu chuyện văn chương Phương Đông*, Nxb Giáo dục, tr. 187.

⁽¹¹⁾ Michael Bogdan, *Luật so sánh*, Lê Hồng Hạnh, Dương Thị Hiền dịch, tr. 167.

Tây nào phát triển được”⁽¹¹⁾. Các quy định pháp luật được áp dụng chính thức vẫn chưa thấm được qua chiếc khiên của đạo Khổng, nên mặc dù có những ảnh hưởng to lớn trên các lĩnh vực khác, pháp luật Trung Quốc cổ đại không được truyền bá rộng rãi như các ngành khác vì vị trí thấp kém của nó. Trong khi đó từ rất sớm, người phương Tây đã quan niệm: “các nhà nước thị thành phải được thiết lập căn cứ trên pháp luật. Đấu tranh bảo vệ pháp luật cũng quan trọng như đấu tranh bảo vệ thành phố quê hương” (Hêraclít⁽¹²⁾). Trong tiến trình lịch sử, ở từng giai đoạn khác nhau, mối quan hệ giữa chính trị và luật pháp ngày càng được nhận thức và phản ánh chính xác. Từ thế kỷ XIII, phương Tây đã có bản Hiến pháp đầu tiên (Đại Hiến chương Anh⁽¹³⁾), đặt nền móng pháp lý cho việc điều chỉnh những mối quan hệ cơ bản của xã hội. Từ rất sớm và cho đến hôm nay, phương Tây đã tìm thấy vai trò quan trọng của pháp luật với tư cách là một hình thái ý thức độc lập và là một công cụ đặc lực của quyền lực chính trị.

3. Tư tưởng chính trị - pháp lý Trung Quốc cổ đại mang những giá trị sâu sắc đồng thời cũng có những hạn chế nhất định

Nhìn chung, các học thuyết tư tưởng đều là sự phản ánh thực tiễn lịch sử và được hình thành thông qua ý thức con người và để hướng tới phục vụ cuộc sống. Giá trị của học thuyết này hay học thuyết khác thể hiện ở sự tác động tích cực của nó tới sự nhận thức của con người, tới các quan hệ và các mặt của

đời sống xã hội hiện thực. Thực tiễn đã chứng minh rằng, có học thuyết hay lý thuyết làm thay đổi tích cực đời sống xã hội, có học thuyết, lý thuyết kìm hãm sự phát triển xã hội. Không nhìn vào hiện thực hay tương lai của xã hội mà lại chủ trương quay về quá khứ, Lão - Trang muốn chối bỏ hiện thực và chạy trốn vào tự nhiên nhưng không thể phủ nhận một điều: ý nghĩa và giá trị tiếng chuông cảnh tỉnh của các ông ngày càng trở nên sâu sắc trên bước đường phát triển của nhân loại. Phải chăng điều đó làm nên sức hấp dẫn tư tưởng của các ông? Do không được bắt rễ từ đời sống kinh tế, thoát ly các quan hệ sản xuất xã hội đương thời, nên các học thuyết Đức trị, Kiêm ái không tìm thấy vai trò quyết định của tồn tại xã hội với ý thức xã hội, từ đó rơi vào lập trường duy tâm và hàm chứa yếu tố không tưởng. Đương nhiên Khổng Tử, Mặc Tử, Mạnh Tử không thể đi tìm nguyên nhân giai cấp để giải quyết vấn đề xã hội mà chỉ cho rằng, con người đã thiếu cái lớn nhất đó là tình thương. Những quan điểm của Nho giáo như dân vi bang bản, dân vi quý - xã tắc thứ chi - quân vi khinh, hằng sản hằng

(12) Hêraclít: 520 - 460 trước Công nguyên - nhà triết học Hy Lạp cổ đại, người không chỉ nổi tiếng với học thuyết về "dòng chảy" (không ai có thể tắm hai lần trên một dòng sông), mà còn bất hủ với quan niệm độc đáo về sự hài hòa và đấu tranh của các mặt đối lập, về tính thống nhất của vũ trụ.

(13) *Đại Hiến chương* (Magna Carta): là một trong những văn bản pháp luật quan trọng trong lịch sử nước Anh, ban hành năm 1215. Nhiều đại biểu phương Tây xem đây là văn kiện đã góp phần không nhỏ trong sự phát triển của chủ nghĩa tự do và nền dân chủ trên thế giới.

tâm, thiên ý dân tâm; các tư tưởng của Mặc gia như kiêm tương ái, giao tương lợi, thương đồng, thương hiền, phi lễ - phi nhạc - tiết dụng - tiết táng... ra đời trong điều kiện xã hội còn mâu thuẫn đối kháng giai cấp và không được xác lập trên nền tảng chính quyền của dân, do dân nên không có khả năng hiện thực hóa. Song, nội dung này cũng thấm đậm tinh thần dân chủ độc đáo, sáng ngời những giá trị nhân đạo, nhân văn, phản ánh những khát khao tốt đẹp của con người trong đời sống xã hội áp bức bất công. Giá trị của học thuyết Khổng Tử là chủ nghĩa nhân bản pháp luật mà người Trung Quốc gọi là *nhân trị chủ nghĩa*. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh “vương đạo suy vi, bá đạo lộ hành”, chiến tranh triền miên... thì “Đức trị” cũng bộc lộ những hạn chế của mình. Song, mục tiêu xây dựng xã hội mà học thuyết Đức trị chủ trương (“những người đầu bạc hoa râu khỏi phải gánh nặng nhọc đi bộ trên đường sá. Trong nước, người bảy mươi tuổi có lụa mà mặc, có thịt mà ăn và dân đen khỏi đói, khỏi lạnh...”⁽¹⁴⁾), phải chăng cũng không nằm ngoài mục tiêu, tiến trình của chủ nghĩa xã hội? Tuy nhiên, trong các chế độ trước đây, việc thực hiện chủ trương đó có nghĩa là giai cấp thống trị tự phủ định mình. Đời sống nhân loại từ khi có giai cấp đến nay đã chứng minh thuyết phục quan điểm mácxít rằng: giai cấp thống trị không bao tự nguyện từ bỏ địa vị và lợi ích ích kỷ của họ; thậm chí trước yêu cầu của các giai cấp tiến hành cách mạng, giai cấp thống trị lỗi thời sẵn sàng sử dụng bạo lực để đàn áp. Để giải phóng cho mình,

các giai cấp tiến hành cách mạng tất yếu phải tổ chức ra bạo lực cách mạng để thủ tiêu bạo lực phản cách mạng.

Nhìn chung, Đạo gia, Nho gia, Mặc gia đều đưa ra một chủ trương nhằm bình ổn xã hội, song những biện pháp của họ đều mang tính cải lương, không tưởng và duy tâm. Vì vậy, mặc dù tư tưởng trị nước của Khổng, Mặc và Lão - Trang có những giá trị nhất định trong lịch sử, song sự thành công mà nó mang lại không được như mong muốn trong điều kiện loạn lạc và luôn xảy ra chiến tranh như xã hội Trung Quốc cổ đại. Trong bối cảnh đó, tư tưởng pháp trị của Hàn Phi được Tần Thủy Hoàng sử dụng có hiệu quả để thống nhất Trung Quốc và có vai trò nhất định trong việc trị nước về sau.

Kết luận

Nghiên cứu lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý cung cấp cho chúng ta tri thức về sự phát triển có tính logic nội tại trong những “mạch nguồn” của tư tưởng nhân loại; giúp chúng ta thấy được nguồn gốc, điều kiện phát sinh phát triển, đặc điểm và đặc trưng, sự giống - khác nhau của các dòng tư tưởng trong suốt quá trình phát sinh, phát triển của tư tưởng nhân loại. Nghiên cứu, các tư tưởng chính trị - pháp lý Trung Quốc cổ đại để thấy được tính đa dạng, phong phú và phức tạp của lịch sử tư tưởng chính trị nhân loại, từ đó có thể chất lọc giá trị tinh hoa của những tư tưởng ấy cho ngày hôm nay vào mục tiêu đương đại.

⁽¹⁴⁾ Đoàn Trung Còn, *Tứ thư - Mạnh Tử*, quyển Thượng, Nxb Trí Đức, tr. 14 - 15.

